

C, ngày 24 tháng 7 năm 2017

Số: 218/2017/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân gia đình thụ lý số: 264/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa:

*Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Trần Văn P.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Trần Văn P thuận tình ly hôn.

b) Về con chung: Có hai con chung là Trần Nguyên K sinh ngày 12/02/1993 và Trần Đặng Duy K sinh ngày 04/4/2005.

Hai bên thỏa thuận chị H được quyền nuôi con là cháu Trần Đặng Duy K sinh ngày 04/4/2005.

Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Đặng Duy K.

Cháu Trần Nguyên K sinh ngày 12/02/1993 đã trưởng thành nên Tòa án không xét đến.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Trần Đặng Duy K, không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau

này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

c) Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

d) Về nợ chung: Hai bên khai không có.

đ) Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

e) Về án phí HNST: Chị H tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0010094 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị H được hoàn 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C, Bến Tre;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện C;
Bến Tre
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Thị Phụng